

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 7 năm 2022

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư

Bà Nguyễn Thị L

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Trần Thị L, sinh năm 1977

HKTT: Số 2A, làn 2, đường Hùng Vương, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.

***Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1969

HKTT: Số 2A, làn 2, đường Hùng Vương, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2022; Bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị L bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào ngày 16/9/2005. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Sỏi, huyện Yên Thế, tỉnh B. Sau khi kết hôn chung sống với nhau ngay tình cảm ban đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc.

Trong quá trình chung sống mâu thuẫn của vợ chồng phát từ đầu năm 2021, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều điểm khác biệt nhau,

thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm dẫn đến va chạm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, hiện vợ chồng chị đã sống ly thân.

Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn thương yêu nhau, chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Con chung của vợ chồng là Nguyễn Việt Anh, sinh ngày 21/10/1999 và Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày 01/11/2003. Con chung đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống, chị L không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 19/5/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày quan điểm như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H xác nhận về thời gian, thủ tục và điều kiện kết hôn như chị Trần Thị L trình bày tại Tòa án là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau ngay tình cảm ban đầu hoà thuận, hạnh phúc.

Trong quá trình chung sống mâu thuẫn của vợ chồng chúng tôi phát sinh trầm trọng từ năm 2021, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không có tiếng nói chung trong gia đình, hay xảy ra cãi vã nhau, hiện vợ chồng đã sống ly thân.

Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn thương yêu nhau, anh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết cho anh và chị L được ly hôn.

Con chung là Nguyễn Việt Anh, sinh ngày 21/10/1999 và Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày 01/11/2003. Con chung đã trưởng thành, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc bận đi làm xa, anh H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong quá trình giải quyết vụ án.

* Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật. Nhưng anh H vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Nguyên đơn chị Trần Thị L và bị đơn anh Nguyễn Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L thì thấy đây là quan hệ “*Ly hôn*”. Bị đơn là anh Nguyễn Văn H cư trú tại thành phố B, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B giải quyết vụ án là đúng với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 16/9/2005 đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Sỏi, huyện Yên Thế, tỉnh B, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh H xác định sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không có tiếng nói chung trong gia đình, vợ chồng đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L và anh H đều đề nghị Tòa án giải quyết cho hai người được ly hôn, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H, do anh H vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Nguyễn Việt Anh, sinh ngày 21/10/1999 và Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày 01/11/2003. Con chung đã trưởng thành, chị L và anh H không yêu cầu giải quyết về con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh H đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. *Về án phí*: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu số 0001494 ngày 26/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. B;
- CCTHA dân sự TP. B;
- UBND xã Tân Sỏi, Yên Thế, B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Tú